

T, ngày 12 tháng 3 năm 2020

Số: 56/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020, giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Tạ Thị G, sinh năm 1984

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Xóm xx, xã M, huyện T, tỉnh T

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1983

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn T, xã N, huyện T, TP. H

Hiện đang thi hành án tại phân trại xx – Trại giam T

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của:** Chị Tạ Thị G và anh Nguyễn Viết T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:* Giao con chung của chị Tạ Thị G và anh Nguyễn Viết T là cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 13/6/2009 cho chị Tạ Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Phương T đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Nguyễn Viết T đối với cháu Nguyễn Thị Phương T cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn của anh Nguyễn Viết T được pháp luật bảo đảm.

- **Về án phí:** Chị Tạ Thị G tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0012185 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Trả lại chị Tạ Thị G 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Đoàn Lan Hương**

